| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐĂK GLEI**<br>**TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 30/9/2024
*"V/v Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK GLEI TỈNH KON TUM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Y Trinh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Y Thiêng Thủy, bà Y Thuận

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Kiên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Hiêng Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2014 về việc *"Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Triệu Văn T
- Bị đơn: Chị Ngô Thị L

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2024 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai tại phiên tòa nguyên đơn anh Triệu Văn T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T và chị L có tìm hiểu nhau, sau đó đi đến hôn nhân, anh T và chị L tổ chức đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 7 năm 2012 tại trụ

sở Ủy ban nhân dân xã Đăk Pek, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum; anh T và chị L chị đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình ủng hộ. Anh T và chị L chung sống hạnh phúc từ năm 2012 cho đến năm 2016, nhưng sau đó đến năm 2017 giữa anh T và chị L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không đồng quan điểm, mâu thuẫn giữa con riêng của anh T và chị L. Bản thân anh T từng bị chị L chửi bới, ruồng bỏ, xúc phạm; do không thể tiếp tục chung sống nên anh T và chị L sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh T và chị L không quan tâm, cũng không hỏi han gì đến nhau, hiện nay tình cảm vợ chồng là không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị L theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung:* Anh Triệu Văn T và chị Ngô Thị L có 01 con chung tên là Triệu Ngô Anh D; sinh ngày 19/8/2016. Sau khi ly hôn thì anh T có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Anh Triệu Văn T và chị Ngô Thị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Anh Triệu Văn T và chị Ngô Thị L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 25/6/2024; biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2024 và tại phiên tòa bị đơn chị Ngô Thị L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh T đến với nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ năm 2012 cho đến năm 2016 thì chị L và anh T chung sống hạnh phúc với nhau, đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng đều bỏ qua cho nhau. Sau đó đến năm 2022 thì chị L phát hiện anh T ngoại tình với người phụ nữ khác, kể từ đó giữa chị L và anh T ngày càng mâu thuẫn gay gắt hơn; anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con, bỏ mặc vợ con. Chị L và anh T sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, không giúp đỡ lẫn nhau, bỏ mặc. Tuy nhiên, vì thương con nên chị L nhiều lần khuyên bảo để anh T quay về với vợ con nên không đồng ý ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* Chị Ngô Thị L và anh Triệu Văn T có 01 con chung tên là Triệu Ngô Anh D; sinh ngày 19/8/2016, nếu phải ly hôn thì chị L có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi.

- *Về tài sản chung:* Chị Ngô Thị L và anh Triệu Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Chị Ngô Thị L và anh Triệu Văn T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2024 do chị Phạm Thị N, trú tại Thôn B, xã Đ là hàng xóm của anh Triệu Văn T và chị Ngô Thị L cho biết anh T và chị L thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn lẫn nhau, đỉnh điểm nhất là từ năm 2022 cho đến nay, anh T và chị L sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 đến nay, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, có một vài lần anh T đánh đập chị L.

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2024 do anh A H là thôn trưởng, Bí thư chi bộ thôn B, xã Đ, huyện Đ cho biết anh Triệu Văn T và chị Ngô Thị L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ năm 2022 cho đến nay, về phía thôn đã tổ chức hòa giải nhưng anh T không đồng ý. Do anh T và chị Y I, trú tại thôn B, xã Đ, huyện Đ có nhắn tin qua lại bằng điện thoại, sau đó thôn đã họp và xử lý theo luật của làng bằng hình thức buộc anh T và chị Y I phải nộp cho làng một con heo 50 kg, anh T và chị Y I đã nộp cho làng.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum tại phiên tòa:

- Về Thẩm quyền thụ lý vụ án và quan hệ pháp luật giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện thì Thẩm phán đã xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự; về thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ và theo cấp xét xử đúng quy định tại Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Tòa án đã xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng trong vụ án theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc thực hiện tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 208 và Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử: Đã tuân thủ quy định thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự: Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự hợp pháp và được thực hiện đúng theo quy định từ Điều 170 đến Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Việc gửi hồ sơ và Quyết đinh đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát để nghiên cứu trước khi mở phiên tòa 15 ngày đúng theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án, chấp hành nguyên tắc xét xử. Thành phần Hội đồng xét xử đúng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 và Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70; 71; 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm, đường lối xử lý đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Triệu Văn T, anh Triệu Văn T được ly hôn với chị Ngô Thị L.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Triệu Ngô Anh D; sinh ngày 19/8/2016 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận thỏa thuận của các đượng sự về việc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*.

- Về tài sản, nợ chung: Không xem xét

- Về án phí: Anh Triệu Văn T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002435 ngày 21/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục tố tụng:

Vụ án *"Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn"* giữa nguyên đơn anh Triệu Văn T với bị đơn chị Ngô Thị L, cùng trú tại:

Thôn Broong Mỹ, xã Đăk Môn, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum là tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Triệu Văn T và chị Ngô Thị L là hợp pháp, anh T và chị L chung sống hạnh phúc từ năm 2012 đến năm 2016, sau đó đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có tình nghĩa vợ, chồng. Vợ, chồng xúc phạm nhau, làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, tổn thất về tinh thần, gây thương tích, tổn hại đến sức khỏe của nhau; không bình đẳng về quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ, chồng bị rạn nứt, khó hàn gắn; tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh Triệu Văn T là có căn cứ, nên cần căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Triệu Văn T.

- *Về con chung:* Anh Triệu Văn T và chị Ngô Thị L có 01 con chung tên là Triệu Ngô Anh D; sinh ngày 19/8/2016. Tại phiên tòa anh T và chị L thỏa thuận giao con chung cho chị L nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Trên cơ sở ý kiến của các đương sự, nguyện vọng của con chung, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với lợi ích của con chung nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung Triệu Ngô Anh D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Ngô Thị L yêu cầu anh Triệu Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn T thống nhất với với mức cấp dưỡng này, xét yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 107; 110; 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Triệu Văn T và chị Ngô Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Triệu Văn T được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Triệu Văn T về việc *"Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn"* đối với bị đơn chị Ngô Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Văn T được ly hôn với chị Ngô Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Triệu Ngô Anh D; sinh ngày 19/8/2016 cho chị Ngô Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng),* thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động và tự lập được.

Anh Triệu Văn T được quyền thăm nom con, chăm sóc, giáo dục chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị Ngô Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Triệu Văn T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền nêu trên, thì phải trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Triệu Văn T và chị Ngô Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Triệu Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền mà anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002435, ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

Buộc anh Triệu Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30/9/2024).

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Glei;
- Chi cục THADS huyện Đăk Glei;
- UBND xã Đăk Pek, huyện Đăk Glei;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Y Trinh**